| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THANH HÓA**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 05/2023/HNGĐ – ST.
Ngày: 24/3/2023
V/v : "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH THANH HÓA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Long

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lê Văn Tám

Bà Nguyễn Thị Thưởng.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa***: Bà Vũ Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2022/TLST- DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

*N đơn:* Bà Nguyễn Thị D – SN: 1957

Địa chỉ: Phố Tân H, phường Đông T1, Thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

*Bị đơn*: Chị Trương Thị N - SN 1982

Địa chỉ: Số 33B T2, phường A, Thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ nơi làm việc: Công ty Hùng N – SN 180 T2, phường A, Thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

## NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, N đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 19/10/2011 tôi có cho chị Trương Thị N vay với số tiền 130.000.000 đồng không tính lãi suất. Hai bên thỏa thuận miệng

khi nào tôi cần tiền chị N phải trả cho tôi số tiền đã vay . Từ năm 2012 đến nay do cần tiền để làm ăn nên tôi đã yêu cầu rất nhiều lần chị N phải trả cho tôi số nợ trên nhưng đến nay chị N mới chỉ trả được 10.000.000 đồng, còn số nợ 120.000.000 đồng chị cố tình không trả cho tôi. Vì vậy, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị N phải trả cho tôi số tiền là 120.000.000 đ (một trăm hai mươi triệu đồng) đã vay của tôi và tôi không yêu cầu lãi suất.

Tại bản tự khai chị Trương Thị N trình bày:

Do kinh tế khó khăn nên tôi có vay của bà Nguyễn Thị D nhiều lần với tổng số tiền là 130.000.000 đồng vào ngày 19/10/2011 , mặc dù trong giấy vay tiền không tính lãi suất nhưng thực tế bà D cho chị vay với lãi suất 3.000đ/1 triệu/1 ngày. Tôi công nhận chữ ký trong giấy vay tiền với bà D vào ngày 19/10/2011 là của tôi, nhưng chữ viết ở phần trên không phải là của tôi. Từ năm 2011 đến nay tôi đã trả tiền cho bà D nhiều lần không nhớ ngày, có lần 20.000.000 đồng, có lần 30.000.000 đồng. Năm 2012 tôi bán nhà cùng xóm với bà D, bà D đã thống nhất cho tôi một phần nợ và hai bên đã chốt nợ tôi chỉ còn nợ bà D số tiền 15.000.000 đồng. Nhưng do hai bên có mâu thuẫn nên tôi chưa trả 15.000.000 đồng cho bà D. Nay bà D khởi kiện đề nghị tôi phải trả số tiền còn nợ bà D là 120.000.000 đồng tôi không đồng ý với yêu cầu này của bà D, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bà D vẫn giữ N quan điểm như đã trình bày và bổ sung thêm ý kiến chị N trình bày bà cho chị vay với lãi suất cao là 3.000đ/1 triệu/1 ngày là không đúng. Mà thực tế giữa hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau nếu chị N có thì trả cho bà theo lãi suất của Ngân hàng. Nhưng từ đó cho đến nay chị N chưa trả được số tiền lãi nào cho bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu chị N cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc trả nợ và chốt nợ của chị N với bà D. Nhưng chị N không cung cấp được các tài liệu chứng cứ mà Tòa án yêu cầu.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị N để tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng chị N đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành của N đơn, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị N lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng chị N vắng mặt, Tòa án tiến hành xử vắng mặt chị N là đúng quy định của điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS.

Về nội D: Bà D yêu cầu chị N phải trả số tiền đã vay của bà D là 120.000.000 đồng, chị N thừa nhận là có vay số tiền trên, chữ ký trong giấy vay tiền là của chị nhưng chị đã trả và hai bên chốt nợ chỉ hiện nay chị chỉ còn vay của bà D là 15.000.000 đồng nên chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D. Tuy nhiên chị N không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc trả nợ và chốt nợ của chị với bà D. Vì vậy, Đại diện VKS đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của N đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]***Về tố tụng***: Đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng dân sự, bị đơn cư trú tại Thành phố H. Do vậy Tòa án Thành phố H thụ lý, giải quyết là đúng quy định theo Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng chị N vắng mặt không có lý do. Bà D đề nghị Tòa án tiến hành xét xử. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS giải quyết vắng mặt chị N là đúng quy định.

***[2]Về quan hệ tranh chấp:*** Bà Nguyễn Thị D khởi kiện chị Trương Thị N vay tiền của bà từ năm 2011 mặc dù đã đòi nhiều lần nhưng đến nay vẫn chưa trả hết. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26 BLTTDS 2015 xác định tranh chấp giữa bà D và chị N là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

***[3]Về thời hiệu giải quyết vụ án:***

Theo quy định tại Điều 429 BLDS năm 2015: "Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có yêu cầu cần biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm". Tại giấy vay tiền ngày 19/10/2011 không ghi ngày trả, nhưng từ năm 2012 đến nay bà D đã nhiều lần yêu cầu chị N phải trả số tiền đã vay. Như vây, từ ngày bà yêu cầu chị N trả nợ đến nay đã quá 03 năm. Tuy nhiên căn cứ vào khoản 2 Điều 149 BLDS 2015 quy định " Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc". Bà Nguyễn Thị D và Chị Trương Thị N đã được Tòa án tống đạt các văn bản Tố tụng nhưng vẫn không có ý kiến gì về việc áp dụng thời hiệu khởi kiện trước khi Tòa án ra bản án giải quyết vụ việc. Nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án và không xét thời hiệu khởi kiện trong vụ án này.

***[4] Về nội D tranh chấp:***

Trong quá trình giải quyết vụ án: Bà D có trình bày là bà có cho chị Trương Thị N vay số tiền 130.000.000 đồng không tính lãi suất vào ngày 19/10/2011 và hai bên có viết giấy vay tiền. Bị đơn chị Trương Thị N có thừa nhận là có vay bà D với tổng số tiền là 130.000.000 đồng và chị cũng công nhận chữ ký trong giấy vay tiền với bà D vào ngày 19/10/2011 là của chị. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 BLTTDS.

N đơn bà D trình bày là từ năm 2012 đến nay chị N mới chỉ trả cho bà 10.00.000 đồng, còn nợ bà 120.000.000 đồng. Còn bị đơn chị Trương Thị N trình bày là đã trả nợ cho bà D rất nhiều lần, có lần 20.000.000 đồng, có lần 30.000.0000 đồng nhưng chị không nhớ trả ngày nào. Đến năm 2012 hai bên chốt nợ chị chỉ còn vay bà D số tiền là 15.000.000 đồng. Do đó chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện

của bà D. Tòa án đã yêu cầu chị N cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh việc chị đã trả nợ và chốt nợ với bà D nhưng chị không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã trả nợ và chốt nợ với bà D chỉ còn 15.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi của khoản nợ: N đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Vì vậy, xét thấy yêu cầu khởi kiện của N đơn bà Nguyễn Thị D và đề nghị của đại điện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc bị đơn chị Trương Thị N phải trả trả cho N đơn bà Nguyễn Thị D số tiền gốc đã vay là 120.000.000 đồng.

***[5] Về án phí*** : Yêu cầu khởi kiện của N đơn được chấp nhận nên N đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn chị Trương Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

***[6] Về quyền kháng cáo***: Bà D và chị N được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, thời hạn kháng cáo được quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 477 BLDS 2005; Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273, 280 BLTTDS; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

Chấp nhận đơn khởi kiện của N đơn Bà Nguyễn Thị D.

Buộc bị đơn bà Trương Thị N phải trả cho N đơn bà Nguyễn Thị D số tiền 120.000.000 đ (một trăm hai mươi triệu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của BLDS năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

***Án phí dân sự sơ thẩm :*** Chị Trương Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.000.000đ (sáu triệu đồng)

Bà Nguyễn Thị  D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tho quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

N đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niên yết.

***Nơi nhận***
- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA- TPTH;
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Thị Long**